Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 18

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Hiệp	Chủ tịch kiêm người đại diện theo pháp luật
Ông Trương Xuân Bình	Thành viên
Ông Phạm Bách Huy	Thành viên

Giám đốc

Ông Trương Xuân Bình	Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Vũ Quốc Hoàn	Thành viên
Bà Cao Thùy Linh	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,

M.S.D.N:0102403985-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Đức Hiệp
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY C(ㄱ)PH—Ⴇ TさVㄒⴆ Ь—Ⴎ TさPP ENTERPRISE

Digitally signed by CÔNG TY C(ㄱ)PH—Ⴇ TさVㄒⴆ Ь—Ⴎ TさPP ENTERPRISE
DN: cn=CÔNG TY C(ㄱ)PH—Ⴇ TさVㄒⴆ Ь—Ⴎ TさPP ENTERPRISE c=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-08-14 10:53+07:00

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza
16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ
Thành phố Hà Nội
Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

Số: 0185 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (gọi tắt là "Công ty"), được phê duyệt ngày 12 tháng 8 năm 2026, từ trang 04 đến trang 18, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hoàng Lan Hương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0898-2023-001-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 12 tháng 8 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Deloitte là tên gọi dùng để chỉ Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL"), hoặc mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu, và các đơn vị liên quan của các hãng thành viên (gọi chung là "Tổ chức Deloitte"). DTTL (hay còn gọi là "Deloitte Toàn cầu") và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của riêng mình, không chịu trách nhiệm cho hành vi hoặc thiếu sót của các bên còn lại. DTTL không cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Vui lòng truy cập www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**12.234.419.178**	**2.436.454.628**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**12.215.212.664**	**1.790.414.634**
1.	Tiền	111		10.615.212.664	10.414.634
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.600.000.000	1.780.000.000
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**	**6**	**276.164**	**630.409.644**
1.	Phải thu ngắn hạn khác	135		276.164	630.409.644
III.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**18.930.350**	**15.630.350**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		11.000.000	7.700.000
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		7.930.350	7.930.350
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**24.816.000.000**	**29.436.000.000**
I.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**260**	**7**	**24.816.000.000**	**29.436.000.000**
1.	Đầu tư vào công ty con	261		-	4.620.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết	262		24.816.000.000	24.816.000.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	**280**		**37.050.419.178**	**31.872.454.628**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.729.942.417**	**1.542.059.993**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.729.942.417**	**1.542.059.993**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	61.560.000
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	8	1.271.389.617	1.271.389.617
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	9	294.000.000	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	10	232.338	244.892
5.	Phải trả người lao động	315		7.640.216	7.640.222
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316		151.454.984	196.000.000
7.	Phải trả ngắn hạn khác	320		5.225.262	5.225.262
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**35.320.476.761**	**30.330.394.635**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**11**	**35.320.476.761**	**30.330.394.635**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*36.000.000.000*	*36.000.000.000*
2.	Thặng dư vốn	412		(281.560.000)	(281.560.000)
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
4.	(Lỗ) lũy kế	420		(544.829.827)	(5.534.911.953)
	- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	*420a*		*(5.534.911.953)*	*(5.918.959.013)*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	*420b*		*4.990.082.126*	*384.047.060*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**37.050.419.178**	**31.872.454.628**

Kiều Anh Tuyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Trần Đức Hiệp
Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	12	5.507.038.393	589.706.462
2.	Chi phí tài chính	23	13	65.800.000	207.401.717
	- Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		-	*202.606.308*
3.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14	451.156.267	207.042.001
4.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=(22-23)-26)**	**30**		**4.990.082.126**	**175.262.744**
5.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30)**	**50**		**4.990.082.126**	**175.262.744**
6.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	15	-	35.052.549
7.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	**60**		**4.990.082.126**	**140.210.195**
8.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	1.386	70

M.S.D.N:0102403985-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kiều Anh Tuyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Trần Đức Hiệp
Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Flower Tower,
Số 48 Đường Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN
Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***4.990.082.126***	***175.262.744***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Các khoản dự phòng	03	-	(13.601.802)
	Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(5.414.200.000)	(455.931.407)
	Chi phí đi vay	06	-	202.606.308
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***(424.117.874)***	***(91.664.157)***
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	133.480	482.029.344
	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	187.882.424	(854.027.256)
	Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	(3.300.000)	(3.300.000)
	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	2.316.709.328
	Chi phí đi vay đã trả	14	-	(202.606.308)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(568.209.852)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(239.401.970)***	***1.078.931.099***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	5.250.000.000
2.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(42.360.000.000)
3.	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	4.554.200.000	42.594.000.000
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.110.000.000	299.316.439
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	**10.664.200.000**	***5.783.316.439***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30)	**50**	**10.424.798.030**	**6.862.247.538**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**1.790.414.634**	**3.584.764.211**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	**70**	**12.215.212.664**	**10.447.011.749**

M.S.D.N: 0102403985 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ PP ENTERPRISE
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kiều Anh Tuyên	**Trần Đức Hiệp**
Người lập biểu/Kế toán trưởng	**Người đại diện theo pháp luật**

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư PP Enterprise (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102403985 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 được cấp ngày 04 tháng 12 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 9 năm 2011.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 1 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kĩ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác;
- Tái chế phế liệu;
- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác;Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống, gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ; vải, hàng may mặc, giày dép; đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính;
- Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác;

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vật liệu xây dựng và quản lý vốn đầu tư.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Theo Nghị quyết số 75/2026/PPE/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 06 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc thoái vốn, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Hòa Bình Minh Nghệ An với tổng giá trị chuyển nhượng là 4.554.200.000 VND. Ngày 29 tháng 06 năm 2026, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng này. Theo đó, Công ty TNHH Hòa Bình Minh Nghệ An không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 01 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hòa Bình Minh	Tỉnh Phú Thọ	48,00%	48,00%	Kinh doanh thép, xi măng, và thiết bị khác trong xây dựng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Dữ liệu tương ứng trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Dữ liệu tương ứng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Hội đồng Quản trị đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (kỳ hạn gốc không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc, bao gồm giá mua và chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư như chi phí tư vấn pháp lý, thẩm định giá, chi phí thông tin, môi giới, giao dịch trong quá trình thực hiện đầu tư. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia nêu trên, được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ theo quy định của pháp luật.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được phân bổ theo số lượng cổ phiếu phát hành thành công và không thành công:

- Phần chi phí phân bổ cho cổ phiếu phát hành thành công được bù trừ vào thặng dư vốn.
- Phần chi phí liên quan đến cổ phiếu phát hành không thành công được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng (i)	10.615.212.664	10.414.634
Các khoản tương tương tiền (ii)	1.600.000.000	1.780.000.000
	12.215.212.664	**1.790.414.634**

(i) Chi tiết số dư theo từng ngân hàng như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.615.212.664	10.414.634
	10.615.212.664	**10.414.634**

(ii) Số dư các khoản tương tương tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô với lãi suất 2,1 %/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 2,1%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi	276.164	-	409.644	-
Phải thu lợi nhuận được chia	-	-	630.000.000	-
	276.164	**-**	**630.409.644**	**-**
Trong đó:				
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 17)	**-**	**-**	**630.000.000**	**-**

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND		VND
a. Đầu tư vào công ty con	**-**	**-**	**4.620.000.000**	**-**
Công ty TNHH Hòa Bình Minh Nghệ An (i)	-	-	4.620.000.000	-
b. Đầu tư vào công ty liên kết	**24.816.000.000**	**-**	**24.816.000.000**	**-**
Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hòa Bình Minh (ii)	24.816.000.000	-	24.816.000.000	-
	24.816.000.000	**-**	**29.436.000.000**	**-**

(i) Ngày 29 tháng 06 năm 2026, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Hòa Bình Minh Nghệ An với tổng giá trị chuyển nhượng là 4.554.200.000 VND. Theo đó, Công ty TNHH Hòa Bình Minh Nghệ An không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

(ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hòa Bình Minh	Hoạt động kinh doanh có lãi	Chưa là công ty liên kết

Các số dư và giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty con, công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 17.

8. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.188.261.442	1.188.261.442
Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	50.128.175	50.128.175
Ban Điều hành các dự án của PVC Tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000
	1.271.389.617	**1.271.389.617**

9. PHẢI TRẢ VỀ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Cổ tức phải trả năm 2011	294.000.000	
	294.000.000	

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	244.892	614.676	627.230	232.338
	244.892	**614.676**	**627.230**	**232.338**

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025					
Số dư đầu kỳ trước	**20.000.000.000**	**-**	**146.866.588**	**(5.918.959.013)**	**14.227.907.575**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	140.210.195	140.210.195
Số dư cuối kỳ trước	**20.000.000.000**	**-**	**146.866.588**	**(5.778.748.818)**	**14.368.117.770**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026					
Số dư đầu kỳ này	**36.000.000.000**	**(281.560.000)**	**146.866.588**	**(5.534.911.953)**	**30.330.394.635**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	4.990.082.126	4.990.082.126
Số dư cuối kỳ này	**36.000.000.000**	**(281.560.000)**	**146.866.588**	**(544.829.827)**	**35.320.476.761**

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi gần nhất, vốn điều lệ của Công ty là 36.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
Cổ phiếu phổ thông	*3.600.000*	*3.600.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
Cổ phiếu phổ thông	*3.600.000*	*3.600.000*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	5.480.000.000	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	234.000.000
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	133.775.055
Lãi tiền gửi	27.038.393	124.338.940
Lãi cho vay	-	97.592.467
	5.507.038.393	**589.706.462**

13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lỗ từ chuyển nhượng khoản đầu tư	65.800.000	-
Chi phí đi vay	-	202.606.308
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	18.199.075
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(13.601.802)
Khác	-	198.136
	65.800.000	**207.401.717**

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	66.116.820	62.368.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	385.039.447	134.361.645
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	-	10.311.679
	451.156.267	**207.042.001**

15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	-	35.052.549
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**35.052.549**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	**4.990.082.126**	**175.262.744**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	*5.480.000.000*	-
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	**(489.917.874)**	**175.262.744**
Thuế suất (%)	*20*	*20*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**35.052.549**

Các khoản lỗ tính mang sang trong vòng năm năm liền kề kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ tính thuế. Các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Năm phát sinh	Năm hết hạn	Lỗ tính thuế (VND)	Số lỗ đã chuyển đến ngày 30/06/2026 (VND)	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 30/06/2026 (VND)
2025	2030	245.952.940	-	245.952.940
2026	2031	489.917.874	-	489.917.874
		735.870.814	**-**	**735.870.814**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có lỗ lũy kế nhưng không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do không chắc chắn về lợi nhuận mang lại trong tương lai.

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	**4.990.082.126**	**140.210.195**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.600.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**1.386**	**70**

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Trương Xuân Bình	Giám đốc
Công ty TNHH Hòa Bình Minh Nghệ An	Công ty con (đến ngày 29 tháng 06 năm 2026)
Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hòa Bình Minh	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận được chia	**5.480.000.000**	**-**
Công ty TNHH Hòa Bình Minh Nghệ An	1.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hoa Bình Minh	4.080.000.000	-
Nhận tiền vay	**-**	**17.444.000.000**
Ông Trương Xuân Bình	-	17.444.000.000
Trả tiền vay	**-**	**17.444.000.000**
Ông Trương Xuân Bình	-	17.444.000.000
Lãi vay	**-**	**202.606.308**
Ông Trương Xuân Bình	-	202.606.308

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn khác	**-**	**630.000.000**
Công ty TNHH Hòa Bình Minh Nghệ An	-	630.000.000

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty không nhận thu nhập trong kỳ từ Công ty.

18. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 76/2026/PPE/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thoái vốn, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hòa Bình Minh với tổng giá trị chuyển nhượng là 24.480.000.000 VND. Ngày 29 tháng 7 năm 2026, Công ty đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với bên nhận chuyển nhượng.

Theo Nghị quyết số 97/2026/PPE/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 7năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc điều chỉnh thời gian thoái vốn và chuyển nhượng cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hòa Bình Minh, theo đó gia hạn thời gian hoàn tất giao dịch chuyển nhượng đến chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Kiều Anh Tuyên	**Trần Đức Hiệp**
Người lập biểu/Kế toán trưởng	**Người đại diện theo pháp luật**
	Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026